

Bản án số: 279/2021/HS-PT

Ngày: 09/7/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;
Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Trung Quy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2021/TLPT-HS ngày 25 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Phùng Đức D và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Lê Anh T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với các bị cáo Phùng Đức D, Lương Văn T tại Bản án hình sự sơ thẩm số 481/2020/HSST ngày 19 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Phùng Đức D, sinh ngày 03/01/1988; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn ĐK, xã GT, huyện GV, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: **Lao động tự do**; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phùng Gia T, sinh năm 1946 và bà Trương Thị C, sinh năm 1955; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; 02 tiền án :

- Tại Bản án số 08/2007/HSST ngày 23/01/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; ra trại ngày 30/8/2012;

- Tại Bản án số 48/2014/HSST ngày 15/7/2014, Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; ra trại ngày 27/4/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2019. Có mặt.

2. Lương Văn T, sinh năm 1994; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn HC, xã ST, huyện HS, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lương Văn D và bà Trần Thị Ng ; có vợ là Cao Ý Nh (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 14/8/2019. Có mặt.

- Bị cáo có kháng cáo:

3. Lê Anh T, sinh năm 1986; giới tính: Nam; nơi cư trú: Khối 2, thị trấn TS, huyện HS, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn V và bà Lê Thị Hải L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 50/2007/HSST ngày 13/9/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 15 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” ; ra trại ngày 03/02/2009 (đã được xóa án);

- Tại Bản án số 150/2017/HSST ngày 28/4/2017, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An tuyên miễn truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/8/2019 đến ngày 10/01/2020, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt.

- Người bào chữa:

+ Ông Nguyễn Trọng V - Luật sư Văn phòng luật sư APEC, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Phùng Đức D (theo chỉ định của Tòa án). Có mặt.

+ Ông Phạm Gia L - Luật sư Văn phòng luật sư HTTT, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Lương Văn T (theo yêu cầu của bị cáo). Có mặt.

+ Bà Trần Thị Thanh H- Luật sư Văn phòng luật sư ASEAN, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Lê Anh T (theo yêu cầu của bị cáo). Vắng mặt.

Trong vụ án còn có các bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h15 phút ngày 13/8/2019, Tổ công tác Y10/141 - Công an thành phố Hà Nội làm việc tại khu vực đường P phát hiện xe mô tô BKS 37A1-687.47 có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Người điều

khuyến xe là Nguyễn Sỹ Ph điều khiển xe bỏ chạy, ở phần yên xe giữa 02 người rơi ra 01 Ti nilon có KT (7x15)cm, người ngồi ở phía sau là Nguyễn Văn K nhảy xuống khỏi xe bỏ chạy. Tổ công tác đã đuổi theo không chế, bắt giữ cùng gói nilon rơi ở đường. Tại bản Kết luận giám định số 5312/KLGD-PC09 ngày 20/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Ti nilon kích thước (7x15)cm bên trong chứa các hạt tinh thể là ma Ty loại Methamphetamine, khối lượng 89,850gam.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 điện thoại Kedmi có số thuê bao 0978.321.735 và số 0898.329.308; 01 điện thoại Nokia có số thuê bao 0969.501.781 và số 0896.488.951.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn K khai số ma Ty trên vừa mua của Phùng Đức D tại khu vực phường MT, quận N, thành phố Hà Nội.

Trên cơ sở lời khai của Nguyễn Văn K: Khoảng 14h20 phút ngày 14/8/2019, Công an phường MT, quận N, thành phố Hà Nội kiểm tra hành chính phòng trọ của chị Trần Thị Ch (ở khu dự án của Tổng Cục An ninh - Bộ Công an, thuộc phường MT, quận N, thành phố Hà Nội), phát hiện trong phòng có Phùng Đức D (sinh năm 1988, nơi cư trú: Thôn ĐK, xã GT, huyện GV, Ninh Bình) thu giữ của D 01 balo, bên trong có 02 Ti nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng.

Tại Bản kết luận giám định số 5385/KLGD-PC09 ngày 22/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: 01 Ti là ma Ty loại Methamphetamine, khối lượng 878,850gam; 01 Ti là ma Ty loại Ketamine, khối lượng 687,010gam. Phùng Đức D khai số ma Ty trên là của Lương Văn T (trú tại: Thôn HC, xã ST, huyện HS, Hà Tĩnh) nhờ bán để cùng hưởng lợi, hiện T1 đang ở khách sạn MT, trên đường NH, quận N, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra thu giữ của D 01 điện thoại Iphon6 không có sim; 01 điện thoại OPPO có các số thuê bao 0969.351.988 và số 0962.474.916 và 125.700.000đồng.

Trên cơ sở lời khai của Phùng Đức D, Cơ quan điều tra đã bắt khẩn cấp đối với Lương Văn T, thu giữ trên người T1 10 viên nén (9 viên màu hồng và 01 viên màu xanh). Tại bản Kết luận giám định số 5386/KLGD-PC09 ngày 22/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: 10 viên nén trên là ma Ty loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,949gam.

Tại Cơ quan điều tra, Lương Văn T khai hiện đang thuê phòng số 502 khách sạn 955 trên đường GP, phường GB, quận HM, thành phố Hà Nội. Khám xét khẩn cấp phòng số 502 của khách sạn nêu trên (nơi Lương Văn T thuê), tại thời điểm khám xét trong phòng có Nguyễn Văn V và Lê Anh T. Thu giữ trong hộp sạc pin điện thoại 21 viên nén màu đỏ. Tại bản Kết luận giám định số 5381/KLGD-PC09 ngày 22/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: 21 viên nén trên là ma Ty loại Methamphetamine, tổng khối lượng 1,955gam. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn V và Lê Anh T đều khai 21 viên nén trên là ma Ty của T1 cho V và T để sử dụng.

Kiểm tra tin nhắn trong điện thoại của Phùng Đức D thể hiện D và T1 cùng mua bán ma Ty và lợi nhuận chia đôi.

Lương Văn T khai: Ngày 07/8/2019, Phùng Đức D gọi điện cho T1 thuê T1 vận chuyển ma Ty từ Hà Tĩnh ra Hà Nội, nhưng T1 không đồng ý. Khoảng 2 tiếng sau, Đỗ Hoàng Đ điện thoại cho T1 thuyết phục T1 vận chuyển ma Ty cho D vì bố D đang ốm cần tiền để điều trị nên T1 đồng ý. Sau đó, T1 gửi số điện thoại của T1 cho D để D chuyển cho người có ma Ty để giao ma Ty cho T1 và thỏa thuận giá vận chuyển ma Ty là 60 triệu đồng. D dặn T1 khi liên lạc với người giao ma Ty thì lấy tên là H. Ngày 09/8/2019 có người gọi điện cho T1 và hỏi “có phải là H bạn của C không” (D còn có tên khác là C). Sau đó, T1 và người đó liên lạc với nhau trên ứng dụng Zalo, người đó đã giao cho T1 01 ba lô, bên trong có 02 Ti ma Ty và khoảng 40-50 viên hồng phiến. Sau khi nhận được ma Ty, T1 đi xe khách đến thành phố V, tỉnh Nghệ An thuê phòng 704 khách sạn HN và gọi điện cho Nguyễn Văn V và Lê Anh T là bạn đến chơi. V gọi thêm Thái Thị H và Nguyễn Thị QA cùng đến. Sau đó, tất cả bắt xe khách từ V đến bến xe NN, Hà Nội và thuê phòng 404, 502, 503 khách sạn 995 trên đường GP. Tại đây, T1 lấy ma Ty ra cho tất cả cùng sử dụng (H và QA không sử dụng). Khi T1 đi giao ma Ty cho D, T1 để lại cho V và T khoảng hơn 20 viên thuốc lắc tại phòng 404, số còn lại khoảng 10 viên T1 mang theo người để sử dụng. Khoảng 8h30’ ngày 14/8/2019, T1 cùng QA mang ma Ty đến nhà nghỉ TA thuộc phường MĐ 1, quận N, thành phố Hà Nội để giao ma Ty cho Phùng Đức D. Giao ma Ty xong, T1 cùng QA đến nhà nghỉ MT trên đường NH, quận N, thành phố Hà Nội thì bị bắt giữ.

Lê Anh T khai: Khoảng trưa ngày 13/8/2019, T đang ở nhà thì T1 nhắn tin rủ T đến thành phố V, tỉnh Nghệ An chơi. T đến khách sạn HN tại thành phố V đã thấy T1, Vũ, Hoa và QA ở đó. Sau đó, tất cả bắt xe khách về Hà Nội và thuê khách sạn PS (tại địa chỉ số 955 đường GP) để nghỉ. T1 và QA ở phòng 404; V và H ở phòng 503 còn T ở phòng 502. Khi ở khách sạn PS thì T1 và QA đi ra ngoài, V mang ma Ty đến phòng 502 của T và cùng sử dụng, số còn lại thì bị Công an kiểm tra, bắt giữ.

Kiểm tra điện thoại của các bị cáo sử dụng xác định: Đỗ Hoàng Đ sử dụng tài khoản Zalo tên “Đặt”, Lương Văn T sử dụng tài khoản Zalo tên “Lương Văn T”, “Lạc Lối”; Phùng Đức D sử dụng tài khoản Zalo tên “Hải Anh”. Trên các tài khoản trên có các tin nhắn có nội dung trao đổi với nhau trong việc mua bán ma túy.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 481/2020/HSST ngày 19/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phùng Đức D chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lương Văn T chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 04 năm tù về

tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc Lương Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là Chung thân.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Anh T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2019 đến ngày 10/01/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Hoàng Đ, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn V, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/12/2020, bị cáo Lê Anh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 31/12/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có Quyết định số 02/KN-VKS-P1 kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 481/2020/HSST ngày 19/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Phùng Đức D và Lương Văn T lên mức án tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Anh T và luật sư bào chữa cho bị cáo (do bị cáo mời) đều vắng mặt. Riêng bị cáo T có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Các bị cáo Phùng Đức D và Lương Văn T đều xác định không kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng đã nhận được kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Thông báo kháng cáo, kháng nghị của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Phùng Đức D và rút kháng nghị đối với bị cáo Lương Văn T. Theo đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị, tăng hình phạt đối với bị cáo Phùng Đức D lên mức tử hình; đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng nghị đối với bị cáo Lương Văn T; xét xử vắng mặt và không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lê Anh T.

Luật sư Nguyễn Trọng V bào chữa cho bị cáo Phùng Đức D đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt tù chung thân đối với bị cáo D. Luật sư Phạm Gia L đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc rút kháng nghị tăng hình phạt lên mức tử hình, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị đối với bị cáo Lương Văn T.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của các bị cáo và người bào chữa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về việc vắng mặt của bị cáo Lê Anh T và luật sư bào chữa cho bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Anh T vắng mặt. Tuy nhiên, bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo và luật sư (do bị cáo mời) đều vắng mặt không vì trở ngại khách quan và nội dung kháng cáo của bị cáo là xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo Lê Anh T.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã rút phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Lương Văn T, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng nghị đối với bị cáo Lương Văn T. Theo đó, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã T1ên xử bị cáo Lương Văn T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm (ngày 09/7/2021).

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Phùng Đức D, Lương Văn T và Lê Anh T đều đã khai nhận hành vi mua bán, tàng trữ ma túy như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo trước sau thống nhất và phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật đã thu giữ; Kết quả giám định tang vật; lời khai của các bị cáo khác và các đối tượng có liên quan trong vụ án. Do đó, có căn cứ xác định bị cáo Phùng Đức D đã nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy và phải chịu trách nhiệm hình sự với số lượng 968,7gam Methamphetamine và 687,101gam Ketamine. Bị cáo Lương Văn T đã mua bán trái phép 878,850gam Methamphetamine và 687,101gam Ketamine; tàng trữ trái phép 2,904gam Methamphetamine. Riêng bị cáo Lê Anh T có hành vi tàng trữ trái phép 1,955gam Methamphetamine như cấp sơ thẩm đã quy kết đối với các bị cáo là có căn cứ. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phùng Đức D và áp dụng thêm điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn T; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Anh T là chính xác.

[2.2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Phùng Đức D từ hình phạt chung thân lên mức án tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thì thấy:

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Phùng Đức D, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất đặc biệt nghiêm trọng của vụ án và mức độ nguy hiểm của hành vi do bị cáo đã thực hiện. Theo đó, bị cáo D thực hiện hành vi mua bán nhiều lần với số lượng ma túy rất lớn (968,7gam Methamphetamine và

687,101gam Ketamine). Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước mà còn gây nhiều tác hại đến sức khỏe của cộng đồng, là mầm mống phát sinh các bệnh dịch nguy hiểm cho xã hội. Nhân thân của bị cáo đã có tiền án 08 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” do Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử ngày 23/01/2007, ra trại ngày 30/8/2012 thì ngày 16/01/2014, bị cáo lại tiếp tục có hành vi phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và bị Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội xét xử ngày 15/7/2014 với mức án 05 năm 06 tháng tù. Bị cáo ra trại ngày 27/4/2018 thì lại tiếp tục thực hiện các hành vi phạm tội trong vụ án này và bị bắt ngày 14/8/2019 là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nhận tội nhưng lại khai số ma túy đã thu giữ của bị cáo là của T1 nhờ bị cáo bán, càng chứng tỏ bị cáo là đối tượng rất coi thường pháp luật và không có khả năng cải tạo. Do đó, việc áp dụng hình phạt cao nhất và loại bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là cần thiết, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống các tội phạm về ma túy đang diễn ra ngày càng phức tạp ở nhiều địa phương. Theo đó, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa, tăng hình phạt đối với bị cáo Phùng Đức D.

[2.3]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lê Anh T thì thấy:

Bị cáo Lê Anh T có nhân thân xấu vì đã bị xét xử 15 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, (đã được xóa án tích) và một lần bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử miễn trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên tụ tập các đối tượng nghiện để sử dụng ma túy, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Cấp sơ thẩm xác định gia đình bị cáo có công với Cách mạng, từ đó áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không chính xác, theo đó bị cáo chỉ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Anh T vắng mặt nhưng xét bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới và mức án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Lê Anh T là thỏa đáng, không nặng nên cần giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo. Theo đó, kháng cáo của bị cáo Lê Anh T không được chấp nhận.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Anh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 348; điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm a khoản 2 Điều 357, Điều 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí, án phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Lương Văn T. Bản án hình sự sơ thẩm số 481/2020/HS-ST ngày 19/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xử đối với bị cáo Lương Văn T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm (ngày 09/7/2021).

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 481/2020/HS-ST ngày 19/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, tăng hình phạt đối với bị cáo Phùng Đức D như sau:

Áp dụng điểm h khoản 4 điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 40 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Đức D: Từ hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục giam bị cáo để thi hành án.

Trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Phùng Đức D có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

3. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Anh T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 481/2020/HS-ST ngày 19/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Anh T như sau:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Anh T: 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2019 đến ngày 10/01/2020.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Anh T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T1ên án./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Trại tạm giam - CATP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Bị cáo D, T1 (qua TTG);
- Bị cáo Lê Anh T (theo đ/c);
- Lưu HSVA, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sơn